BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 4 năm 2018

MỘT SỐ THÔNG TIN
VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC IN
(Tài liệu phục vụ hội nghị tập huấn nghiệp vụ phòng, chống in lậu)

I. VỀ ĐIỂM MỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LĨNH VỰC IN

Ngày 28/02/2018, Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 25/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in (có hiệu lực từ ngày 01/5/2018). Tại Nghị định sửa đổi, bổ sung này có nhiều nội dung được bãi bỏ, bổ sung hoặc thay đổi cơ chế quản lý so với Nghị định số 60/2014/NĐ-CP. Cụ thể là một số nội dung chính như sau:

1. Bãi bỏ quy định về người đứng đầu cơ sở in phải có văn bằng cao đẳng chuyên ngành in trở lên hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp;

2. Bãi bỏ quy định về "Điều kiện bảo vệ môi trường", đồng thời cắt giảm thành phần hồ sơ về giấy tờ thể hiện môi trường. Cơ sở in tự thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành về môi trường;

3. Bãi bỏ quy định trong thành phần hồ sơ về "Bản sao có chứng thực giấy tờ sở hữu hoặc thuê mua thiết bị in hoặc danh mục thiết bị dự kiến đầu tư", chuyển thành kê khai thông tin thiết bị vào mẫu đơn;

4. Bãi bỏ quy định trong thành phần hồ sơ về "Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng để thực hiện chế bản, in, gia công sau in", chuyển thành kê khai thông tin các loại giấy vào mẫu đơn;

5. Bãi bỏ quy định về "Điều kiện an ninh - trật tự"; cắt giảm thành phần hồ sơ về "Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh - trật tự" do cơ quan công an có thẩm quyền cấp. Cơ sở in tự thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành về an ninh - trật tự;

6. Bãi bỏ quy định phải có "Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của người đến giao dịch đặt in.

7. Bãi bỏ quy định về việc phải có "văn bản đồng ý" của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành mẫu đối với một số sản phẩm như: in chứng minh thư, hộ chiếu, giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân, v.v...; Thay đổi phương thức quản lý, thực hiện thông qua các giao dịch kinh tế giữa các bên (hợp đồng nhận in);

8. Bãi bỏ quy định về điều kiện nhận in bao bì;

9. Bãi bỏ quy định về cấp giấy phép in gia công cho nước ngoài, thay thế bằng việc cơ sở in tự chịu trách nhiệm về việc in gia công sản phẩm cho nước ngoài;

10. Bãi bỏ quy định hoạt động hợp tác chế bản, in và gia công sau in của các cơ sở in;

11. Bãi bỏ quy định cấp giấy phép nhập khẩu các thiết bị chế bản (trước in) và thiết bị là các máy móc gia công sau in;

12. Bãi bỏ quy định về đối tượng được nhập khẩu thiết bị in, đảm bảo quyền tự do kinh doanh của các tổ chức, cá nhân;

13. Bãi bỏ quy định về hạn chế đối tượng sử dụng (chỉ sử dụng nội bộ) máy photocopy màu để đảm bảo quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân;

14. Bãi bỏ quy định về việc di dời cơ sở in ra khỏi khu dân cư trước năm 2025 và Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết lộ trình di dời ra ngoài khu dân cư đối với từng loại cơ sở in. Việc này thực hiện theo quy hoạch.

15. Chuyển chế độ báo cáo từ 2 lần/năm xuống còn 01 lần/năm và phải thực hiện báo cáo bằng trực tuyến.

16. Sửa Điểm c Khoản 1 Điều 11 từ "Có mặt bằng để thực hiện chế bản, in, gia công sau in ngoài khu vực dân cư" thành "Có mặt bằng hợp pháp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in";

Và sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung khác (chi tiết tại Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP).

Lưu ý: Những bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung nêu trên chỉ áp dụng đối với hoạt động in quy định tại Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in. Không áp dụng đối với hoạt động in xuất bản phẩm quy định tại Luật Xuất bản (trừ những nội dung được dẫn chiếu qua lại hoặc ràng buộc lẫn nhau).

Đây là những quy định mới, có hiệu lực từ ngày 01/5/2018, đề nghị các đồng chí nghiên cứu, áp dụng khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

II. VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC IN NĂM 2017

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại các văn bản quy phạm pháp luật và số liệu báo cáo tổng kết năm 2017 của các Sở Thông tin và Truyền thông gửi về (qua hệ thống báo cáo trực tuyến - số liệu ghi nhận tại thời điểm 16h00 ngày 02/4/2018), Cục Xuất bản, In và Phát hành tổng hợp và thông tin đến hội nghị một số vấn đề về công tác quản lý nhà nước lĩnh vực in năm 2017 như sau:

1. Đối với việc chỉ đạo, điều hành, tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Cục Xuất bản, In và Phát hành đã thường xuyên phối hợp với các Sở Thông tin và Truyền thông trong cả nước thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành, tuyên truyền, phổ biến pháp luật tới các cán bộ làm công tác quản lý in ở các cấp, các ngành có liên quan và những người trực tiếp tham gia hoạt động in thông qua việc tổ chức tập huấn, có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, giải đáp thắc mắc, hỗ trợ pháp lý về hoạt động in và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

Ở địa phương, nhiều Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp chặt chẽ với Cục Xuất bản, In và Phát hành và các cơ quan liên quan giải quyết kịp thời những vấn đề vướng mắc phát sinh trong thực tiễn. Một số Sở đã chủ động triển khai các lớp tập huấn, nghiệp vụ; phổ biến, tuyên truyền quy định của pháp luật. Theo tổng hợp số liệu báo cáo của các Sở Thông tin và Truyền thông, năm 2017, đã ban hành 132 văn bản chỉ đạo, điều hành; tổ chức 107 cuộc tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho các cán bộ quản lý nhà nước các cấp ở địa phương và những người tham gia hoạt động in.

2. Đối với việc mở lớp bồi dưỡng cho người đứng đầu cơ sở in

Năm 2017, cả nước tổ chức được 3 khóa (1 khóa tại Bình Dương, 02 khóa tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội) với tổng số 161 học viên (ít hơn so với năm 2015, 2016: 29 khóa). Việc tổ chức được ít lớp học là do ngày 20/9/2017 Cục Xuất bản, In và Phát hành đã ban hành văn bản số 942/CXBIPH-QLI về việc tạm dừng mở lớp bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ này đối với người đứng đầu cơ sở in quy định tại Nghị định 60/2014/NĐ-CP (trừ người đứng đầu cơ sở in xuất bản phẩm quy định tại Luật Xuất bản) gửi cho đơn vị tổ chức lớp học. Đây là nội dung được bãi bỏ trong dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 60/2014/NĐ-CP mà Bộ Thông tin và Truyền thông đã trình Chính phủ (tháng 9/2017).

3. Đối với việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính

a) Về cấp mới, cấp đổi giấy phép hoạt động in

Việc cấp mới, cấp đổi giấy phép hoạt động in được quy định tại Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 và Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày

19/6/2014 của Chính phủ. Tuy nhiên, đến nay một số Sở Thông tin và Truyền thông chưa hoàn thành việc cấp đổi, việc này đã được đôn đốc, nhắc nhở tại Hội nghị tổng kết, tập huấn nghiệp vụ phòng, chống in lậu năm 2017 tại Đà Lạt.

Theo thống kê tổng hợp báo cáo của 46 Sở Thông tin và Truyền thông (trên hệ thống) thì năm 2017 cấp mới được 84 giấy phép (nhiều nhất là Tp. Hồ Chí Minh 18 giấy phép, Tp. Hà Nội 14 giấy phép); cấp đổi được 54 giấy phép (nhiều nhất là Tp. Hà Nội 34 giấy phép).

b) Về xác nhận mới, xác nhận đổi "Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in"

Cũng theo tổng hợp báo cáo của các Sở nêu trên thì năm 2017 đã xác nhận mới được 339 Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in (nhiều nhất là Bắc Giang 89, Tp. Hồ Chí Minh 47, Long An 41, Bình Dương 33); xác nhận đổi 17 Tờ khai cho cơ sở in có thay đổi thông tin theo quy định.

c) Về cấp phép in gia công cho nước ngoài

Năm 2017, cả nước cấp 178 giấy phép in gia công cho nước ngoài (nhiều nhất là: Tp. Hồ Chí Minh 67, Tp. Hà Nội 99); công tác thẩm định, cấp phép đảm bảo tốt. Chưa phát hiện được trường hợp sai sót.

4. Đối với việc thực hiện quy định về chế độ báo cáo

Có gần 90% số Sở Thông tin và Truyền thông cả nước thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo (báo cáo trực tuyến và bản giấy), số Sở còn lại không có báo cáo, bao gồm: Hải Dương, Thái Nguyên, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Nam, Bắc Kạn, Đắk Nông. Trong số các Sở có báo cáo thì thời gian báo cáo của nhiều Sở còn chậm, số liệu chưa đầy đủ, chưa chính xác *(xem chi tiết số liệu báo cáo của các Sở TTTT trên hệ thống cổng thông tin điện tử của Cục Xuất bản, In và Phát hành).*

Việc cập nhật dữ liệu cơ sở in lên hệ thống quốc gia, phần lớn các Sở Thông tin và Truyền thông đã thực hiện, nhưng vẫn còn Sở TTTT chưa thực hiện (Sở Thông tin và Truyền thông Cao Bằng). Trong số các Sở đã thực hiện thì nhiều Sở cập nhật số lượng cơ sở in chưa đầy đủ, thiếu nhiều so với thực tế. Tính đến 11h00 ngày 26/3/2018 số cơ sở in của cả nước có trên hệ thống dữ liệu quốc gia là 1486 cơ sở in (Trong đó, cơ sở in khối TW là 139 cơ sở, khối địa phương là 1347 cơ sở in).

5. Một số số liệu khác về quản lý nhà nước được tổng hợp qua dữ liệu trên hệ thống quốc gia do các Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo, như sau:

- Đã xác nhận đăng ký được 504 máy photocopy màu (năm 2016: 568 - giảm hơn 12%); tiếp nhận 2.652 Tờ khai báo cơ sở dịch vụ photocopy (năm 2016: 3.185 - giảm hơn 16%);

- Tổng số cơ sở dịch vụ photocopy là 6.609 (năm trước là 5.829 - tăng hơn 13 % so với năm trước);

- Tổng doanh thu hơn 73.000 tỉ đồng (năm trước hơn 77.000 tỉ - giảm hơn 5% so với năm trước);

- Và một số thông tin số liệu khác được tổng hợp chi tiết trên hệ thống dữ liệu quốc gia *(cổng thông tin điện tử của Cục Xuất bản, In và Phát hành - https://ppdvn.gov.vn)*.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý THỜI GIAN TỚI

Để thực hiện đầy đủ những quy định của pháp luật, thời gian tới cần phải tiếp tục thực hiện tốt hơn một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Tăng cường phối hợp giữa trung ương và địa phương tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, trong đó trọng tâm là Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP đến các cán bộ quản lý và thành phần tham gia hoạt động in để nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật, phòng, chống in lậu.

2. Tiếp tục phối hợp với cơ sở đào tạo triển khai mở lớp bồi dưỡng cho người đứng đầu cơ sở in in xuất bản phẩm tại địa bàn có đủ học viên hoặc gom học viên trong cùng một khu vực để mở lớp. Các Sở chủ động phối hợp để thực hiện.

3. Tiếp tục rà soát, thực hiện việc cấp đổi giấy phép hoạt động in theo quy định.

4. Tiếp tục rà soát, hướng dẫn cơ sở in in sản phẩm không phải cấp phép đăng ký hoạt động in theo quy định, đảm bảo cơ sở in trên địa bàn đáp ứng đủ điều kiện trước khi hoạt động.

5. Tăng cường thẩm định nội dung xuất bản phẩm trước khi cấp phép in gia công cho nước ngoài, nhất là trong tình hình hiện nay, đảm bảo không để lọt thông tin xấu, độc, chống phá Đảng và nhà nước hoặc có nội dung vi phạm pháp luật để cấp phép in gia công cho nước ngoài.

6. Chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về chế độ báo cáo, đảm bảo về thời gian, đủ về số liệu, chính xác về thông tin.

7. Tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về Chính phủ điện tử, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia, cập nhật đầy đủ nội dung quản lý nhà nước lên hệ thống.

Trên đây là một số thông tin về những quy định mới của pháp luật có hiệu lực năm 2018, công tác quản lý nhà nước lĩnh vực in năm 2017 và những vấn đề cần lưu ý trong thời gian tới đã phản ánh khách quan những việc đã làm được hoặc chưa làm tốt được đặt ra, đề nghị các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ để thực hiện đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công tác quản lý nhà nước lĩnh vực in thời gian tới được tốt hơn./.

DANH MỤC

TỔNG HỢP BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH CỦA CÁC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG - NĂM 2017

Tính đến 16h00 ngày 02 tháng 4 năm 2018

(Kèm theo tài liệu Một số thông tin về công tác quản lý nhà nước lĩnh vực in)

Số TT	Tên Sở Thông tin và Truyền thông	Báo cáo công tác QLNN về XBIPH năm 2017				Số lượng cơ sở in đã đưa lên hệ thống dữ liệu quốc gia của từng địa phương và TW
		Bản giấy		Báo cáo trực tuyến lĩnh vực in		
		Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	
01	Sở TTTT An Giang	x				8
02	Sở TTTT Bắc Giang	x		x		8
03	Sở TTTT Bà Rịa - Vũng Tàu	x				15
04	Sở TTTT Bắc Kạn		**x**		**x**	2
05	Sở TTTT Bạc Liêu	x		x		2
06	Sở TTTT Bắc Ninh	x		x		22
07	Sở TTTT Bến Tre			x		4
08	Sở TTTT Bình Định	x		x		21
09	Sở TTTT Bình Dương			x		139
10	Sở TTTT Bình Phước	x				1
11	Sở TTTT Bình Thuận	x		x		3
12	Sở TTTT Cà Mau	x				4
13	Sở TTTT Cần Thơ			x		34
14	Sở TTTT Cao Bằng	x				**0**
15	Sở TTTT Đà Nẵng	x		x		4
16	Sở TTTT Đăk Lăk	x		x		8
17	Sở TTTT Đăk Nông		**x**		**x**	9
18	Sở TTTT Điện Biên	x				4
19	Sở TTTT Đồng Nai	x		x		39
20	Sở TTTT Đồng Tháp			x		4
21	Sở TTTT Gia Lai	x		x		4
22	Sở TTTT Hà Giang	x		x		1
23	Sở TTTT Hà Nam	x		x		7
24	Sở TTTT Tp. Hà Nội	x		x		108
25	Sở TTTT Hà Tĩnh	x		x		8
26	Sở TTTT Hải Dương		**x**		**x**	14
27	Sở TTTT Hải Phòng			x		38
28	Sở TTTT Hậu Giang	x				5
29	Sở TTTT Tp. Hồ Chí Minh			x		358
30	Sở TTTT Hòa Bình	x		x		13
31	Sở TTTT Hưng Yên	x		x		25
32	Sở TTTT Khánh Hòa	x		x		34
33	Sở TTTT Kiên Giang	x		x		4

34	Sở TTTT Kon Tum	x				6
35	Sở TTTT Lai Châu	x		x		6
36	Sở TTTT Lâm Đồng			x		46
37	Sở TTTT Lạng Sơn	x		x		3
38	Sở TTTT Lào Cai	x		x		4
39	Sở TTTT Long An			x		101
40	Sở TTTT Nam Định			x		12
41	Sở TTTT Nghệ An	x				19
42	Sở TTTT Ninh Bình			x		10
43	Sở TTTT Ninh Thuận		**x**		**x**	1
44	Sở TTTT Phú Thọ	x		x		26
45	Sở TTTT Phú Yên		**x**		**x**	10
46	Sở TTTT Quảng Bình			x		23
47	Sở TTTT Quảng Nam		**x**		**x**	2
48	Sở TTTT Quảng Ngãi	x				2
49	Sở TTTT Quảng Ninh	x				7
50	Sở TTTT Quảng Trị	x		x		4
51	Sở TTTT Sóc Trăng	x		x		6
52	Sở TTTT Sơn La	x		x		4
53	Sở TTTT Tây Ninh			x		6
54	Sở TTTT Thái Bình			x		8
55	Sở TTTT Thái Nguyên		**x**		**x**	7
56	Sở TTTT Thanh Hóa	x		x		16
57	Sở TTTT Thừa Thiên Huế	x		x		4
58	Sở TTTT Tiền Giang	x		x		30
59	Sở TTTT Trà Vinh	x		x		7
60	Sở TTTT Tuyên Quang			x		6
61	Sở TTTT Vĩnh Long			x		2
62	Sở TTTT Vĩnh Phúc	x		x		10
63	Sở TTTT Yên Bái	x		x		9
64	Khối cơ sở in TW	x		x		139
	Tổng cộng:	**42**	**7**	**46**	**7**	**1486** cơ sở in

1. Tổng hợp số đơn vị báo cáo:

- 56 Sở TTTT đã thực hiện báo cáo (Trong đó: 46 Sở có BC trực tuyến, 10 Sở không có BC trực tuyến);

- 7 Sở TTTT không thực hiện báo cáo (Bắc Kạn, Đắk Nông, Hải Dương, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Nam, Thái Nguyên).

2. Tổng hợp dữ liệu cơ sở in đưa lên hệ thống quốc gia của từng địa phương.

- 01 Sở TTTT chưa thực hiện nhập dữ liệu cơ sở in lên hệ thống quốc gia (Cao Bằng)
- Một số Sở TTTT chưa đưa (nhập) đầy đủ dữ liệu cơ sở in lên hệ thống quốc gia.